TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **576**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10/12/2021
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Ông Nguyễn Hồng Bách.**

Hội thẩm nhân dân: **Bà Hoàng Thị An;**

Bà Ngô Thị Yêm.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Ông Nguyễn Đăng Hùng**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên toà**: Bà Hoàng Thị Hồng Chiêm** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16/11/2021 và 10/12/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện ĐA, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 280/2021/TLST–HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021 về việc "L*y hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXX ngày 12/7/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn**: Ông Hoàng Văn C**, sinh năm: 1970; Đăng kí hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn VT, xã XC, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

(*Có mặt tại phiên tòa***).**

2. Bị đơn**: Bà Đặng Thị B**, sinh năm: 1970; Đăng kí hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn VT, xã XC, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

(*Vắng mặt tại phiên tòa ngày 16/11/2021, có mặt tại phiên tòa ngày 10/12/2021).*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đăng Thị B:

Ông Nguyễn Văn Đ và ông Vũ T- luật sư thuộc công ty TNHH Nguyên An & Thiên Việt - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

(Ông Vũ T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 18/5/2021, các lời khai bổ sung tại Tòa án, ông Hoàng Văn C - nguyên đơn trình bày:*

- Về tình cảm: Ông C kết hôn với bà B trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã XC, huyện ĐA, Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của ông C tại thôn VT, xã XC, huyện ĐA, huyện ĐA, đến năm 1995 thì ra ở riêng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do có mâu thuẫn về việc sử dụng đất đai. Bà B cùng con gái ăn riêng không quan tâm đến ông C, không nói chuyện với ông C dẫn đến việc ông C nóng nẩy chửi bới bà B, bà B cũng chửi lại ông C. Mâu thuẫn cứ thế kéo dài cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn ông xin được ly hôn với bà B.

- Về con chung: Ông C và bà B có 3 người con chung gồm: Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1989; Chị Hoàng Thị T sinh năm 1990; Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1996. Các con của ông bà đều đã trưởng thành và đã lập gia đình.

- Về tài sản chung vợ chồng: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bà Đặng Thị B – bị đơn trình bày:*

- Về tình cảm: Về thời gian và điều kiện kết hôn của ông bà đúng như ông C đã trình bày.

Về nguyên nhân mâu thuẫn là do khi bà đi trông cháu ngoại ông C có đi quan hệ ngoài luồng về nhà ông C muốn ly hôn. Gia đình, các con đã thuyết phục ông C nhưng ông C không nghe và mọi chuyện càng ngày càng trở nên thậm tệ. Bà đã cố gắng nhưng ông C vẫn nhất quyết đòi ly hôn bà không biết nói gì. Tuy nhiên bà không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông C và bà B có 3 người con chung gồm: Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1989; Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1990; Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1996. Các con của ông bà đều đã trưởng thành và đã lập gia đình.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặc dù cũng đã được Tòa án giải thích về quyền của bà B trong vụ án ly hôn.

Tại phiên tòa:

Ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bà Đặng Thị B. Không yêu cầu giải quyết về con chung (các con đều đã trưởng thành); không yêu cầu về giải quyết tài sản chung vợ chồng vì vợ chồng hiện không có tài sản chung.

Bị đơn Bà Đặng Thị B có mặt tại phiên tòa ngày 10/12/2021 khai:

Về nơi cư trú: Việc bà đang ở tại thôn MM, xã TD, huyện SS, thành phố Hà Nội là do bà lên trông cháu ngoại. Bà không đăng kí tạm trú tại xã TD, huyện SS, thành phố Hà Nội và hiện vẫn cư trú ở thôn VT, xã XC, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Bà đồng ý ly hôn với ông Hoàng Văn C.

Về tài sản bà đồng ý giải quyết yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng bằng vụ kiện khác. Không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đặng Thị B đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của ông C và bà B. Con chung giữa hai người đã trưởng thành không phải xem xét giải quyết. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có yêu cầu sẽ khởi kiện giải quyết bằng vụ kiện khác.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu ý kiến :

Qua công tác kiểm sát hồ sơ và tại phiên tòa thấy:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý cho đến khi xét xử:

Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng người tham gia tố tụng.

Thời hạn thụ lý vụ án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải đoàn tụ vợ chồng và tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đúng với quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự tại phiên tòa.

Về phía đương sự: Nguyên đơn về cơ bản đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa bà B đồng ý ly hôn với ông C. Không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng trong vụ kiện này. Con chung đã trưởng thành nên không phải giải quyết.

Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án để giải quyết vụ án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh đề nghị Toà án tuyên:

Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Hoàng Văn C và bà Đặng Thị B.

Về con chung: Ông C và bà B có 3 con chung đều đã trưởng thành nên không phải xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên thông nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Ông C phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ngày 18/5/2021, ông Hoàng Văn C đã có đơn khởi kiện xin ly hôn với bà Đặng Thị B và nộp tại Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Bị đơn hiện cư trú tại thôn VT, xã XC, huyện ĐA, thành phố Hà Nội, không đăng kí tạm trú ở nơi nào khác nên Tòa án thụ lý đơn khởi kiện và thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền về loại việc và thẩm quyền về lãnh thổ.

Ông C chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng.

Bà B đồng ý ly hôn và không yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung trong vụ án này mà sẽ khởi kiện trong một vụ án khác.

Tòa án xác định vụ án có nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng là đúng và đầy đủ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, cho đương sự và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Tòa án đã tiến hành triệu tập đương sự đến để ghi lời khai và triệu tập bị đơn đến Tòa làm việc theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Ông C và bà B kết hôn tự nguyên, có đăng kí kết hôn ngày 25/6/1990 tại Ủy ban nhân xã XC, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Việc kết hôn tự nguyện nên hôn nhân trên là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ kiện: Bà B không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa ngày 10/12/2021 bà B đồng ý ly hôn với ông C. Như vậy cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

Về con chung: ông C và bà B có 3 người con chung gồm: Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1989; Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1990; Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1996. Các con của ông bà đều đã trưởng thành và đã lập gia đình nên không xem xét về giải quyết về con chung.

Tài sản chung vợ chồng ông C và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Ông C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

- Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Hoàng Văn C và bà Đặng Thị B.

- Về con chung ông C và bà B có 3 người con chung gồm: Hoàng Thị B, sinh năm 1989; Hoàng Thị T, sinh năm 1990; Hoàng Văn D, sinh năm 1996. Các con của ông bà đều đã trưởng thành và đã lập gia đình nên không xem xét về giải quyết về con chung.

-Tài sản chung vợ chồng ông C và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí ông C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2020/0045202 ngày 17/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Đông Anh nay được chuyển thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông C, bà B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự trong vụ án;
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Ủy ban nhân dân xã XC (để ghi vào sổ đăng kí kết hôn: Số kết hôn 26/1990 ngày 25/6/1990;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Bách